

# TỪ TƯỢNG HÌNH, TỪ TƯỢNG THANH

## I – ĐẶC ĐIỂM, CÔNG DỤNG

Đọc các đoạn trích sau (trong *Lão Hạc* của Nam Cao) và trả lời câu hỏi.

– Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng **móm mém** của lão méo như con nít. Lão **hu hu** khóc...

– Này ! Ông giáo ạ ! Cái giống nó cũng khôn ! Nó cứ làm in như nó trách tôi ; nó kêu **ư ử**, nhìn tôi, như muốn bảo tôi rằng : "A ! Lão già tệ lắm ! Tôi ăn ở với lão như thế mà lão xử với tôi như thế này à ?".

– Tôi ở nhà Binh Tư về được một lúc lâu thì thấy những tiếng nhón nháo ở bên nhà lão Hạc. Tôi mãi một chạy sang. Mấy người hàng xóm đến trước tôi đang xông xáo ở trong nhà. Tôi **xồng xộc** chạy vào. Lão Hạc đang **vật vã** ở trên giường, đầu tóc **rũ rượi**, quần áo **xộc xệch**, hai mắt long **sòng sọc**.

Câu hỏi :

a) Trong các từ in đậm trên, những từ nào gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật ; những từ nào mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người ?

b) Những từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái hoặc mô phỏng âm thanh như trên có tác dụng gì trong văn miêu tả và tự sự ?

### **Ghi nhớ**

- Từ tượng hình là từ gợi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật. Từ tượng thanh là từ mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.
- Từ tượng hình, từ tượng thanh gợi được hình ảnh, âm thanh cụ thể, sinh động, có giá trị biểu cảm cao ; thường được dùng trong văn miêu tả và tự sự.

## II – LUYỆN TẬP

1. Tìm từ tượng hình, từ tượng thanh trong những câu sau (trích từ *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố) :

– *Thằng Dần vục đầu vừa thổi vừa húp soàn soạt. Chị Dậu rón rén bưng một bát lớn đến chỗ chồng nằm.*

– Vừa nói hắn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.

– Cai lệ tát vào mặt chị một cái đánh bốp, rồi hắn cứ nhảy vào cạnh anh Dậu.

– Rồi chị túm lấy cổ hắn, ấn dúi ra cửa. Súc leo khoẻo của anh chàng nghiện chạy không kịp với sức xô đẩy của người đàn bà lực điền, hắn ngã chổng quèo trên mặt đất, miệng vẫn nham nhảm thét trói vợ chồng kẻ thiếu sưu.

2. Tìm ít nhất năm từ tượng hình gợi tả dáng đi của người.

Mẫu : đi lò dò.

3. Phân biệt ý nghĩa của các từ tượng thanh tả tiếng cười : cười **ha ha**, cười **hi hi**, cười **hồ hồ**, cười **hơ hớ**.

4. Đặt câu với các từ tượng hình, tượng thanh sau đây : **lắc rắc**, **lã chã**, **lám tám**, **khúc khuỷu**, **lập loè**, **tích tắc**, **lộp bộp**, **lạch bạch**, **ôm ôm**, **ào ào**.

5\*. Sưu tầm một bài thơ có sử dụng các từ tượng hình, tượng thanh mà em cho là hay.